

Số: 59/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 10 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 930/2022/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu vực B, phường C, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 16/38 D, phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/06/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống và luôn xảy ra cãi vã nhau, nên vợ chồng sống ly thân đến nay đã 02 tháng và không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh C và chị L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L công nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Nhật P, sinh ngày 24/9/2021.

Nay anh chị thuận tình ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau: Giao cháu Nguyễn Trần Nhật P, sinh ngày 24/9/2021 cho chị Trần Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu P một

tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L đều công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005410 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (Ngày 02/02/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L công nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Nhật P, sinh ngày 24/9/2021.

Nay anh chị thuận tình ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau:

Giao cháu Nguyễn Trần Nhật P, sinh ngày 24/9/2021 cho chị Trần Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L đều công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005410 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H,

tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị Bích L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND Thành phố H;
- CC THADS Thành phố H;
- UBND phường C, tp H (Đăng ký kết hôn số 50, ngày 15/6/2021);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê